

Số: 01/2025/QĐST-VDS

T, ngày 13 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
“V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Thảo

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Phương Chinh – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6- T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - T tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2025/TLST-VDS, ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-VDS, ngày 28 tháng 10 năm 2025. Gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà H T H, sinh năm 1959. Hộ khẩu thường trú: Khu Đ, xã H, tỉnh T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Bà Phạm Thị Thắm- Trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1, tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc dân sự:*

1- Cháu N B D, sinh năm 2001

Hộ khẩu thường trú: Khu A2, xã L, tỉnh T;

2- Bà Đỗ Thị Tuấn A, sinh năm 1979

Hộ khẩu thường trú: Khu A2, xã L, tỉnh T (mẹ đẻ cháu D);

3- Ông N V C, sinh năm 1955

Hộ khẩu thường trú: Khu Đ, xã H, tỉnh T (chồng bà H).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C: Bà Đỗ Hồng Nhung- Trợ giúp viên pháp lý- trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước số 1, tỉnh T.

(Cháu D, bà A, bà H, ông C đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại phiên họp; Bà Thắm, bà Nhung đều có mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 10/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2025 người yêu cầu bà H T H trình bày: Ngày 20/10/2010, bà và chồng là ông N V C nhận cháu Nguyễn Đỗ Bảo D là con đẻ của ông N V T và bà Đỗ Thị Tuấn A ở khu A2, thị trấn L, huyện L (nay là khu A2, xã L), tỉnh T làm con nuôi. Việc nhận con nuôi được Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi ngày 20/10/2010. Ngày 12/12/2019 thì cháu Nguyễn Đỗ Bảo D đã cải chính hộ tịch, bỏ chữ đệm nên từ khi được cải chính hộ tịch đến nay cháu có tên là N B D. Từ khi nhận cháu D làm con nuôi, thì cháu D ở cùng với vợ chồng bà,

chỉ trong thời gian đi học thì cháu mới ở với bố mẹ đẻ của cháu để thuận lợi cho việc học tập, hết giờ học thì cháu lại về ở với ông, bà. Quá trình học tập, phát triển của cháu D vẫn do bố mẹ đẻ của cháu lo. Từ khi cháu D làm con nuôi của ông, bà giữa bố mẹ nuôi và con nuôi không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình nhận cháu D làm con nuôi thì giữa vợ chồng ông bà và cháu D không phát sinh và liên quan gì về tài sản.

Hiện nay cháu N B D đã trưởng thành, lao động tự túc được, việc ông, bà nhận cháu D làm con nuôi không cần thiết nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu N B D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Cháu N B D trình bày:* Cháu là con đẻ của mẹ Đỗ Thị Tuấn A và bố N V T. Ngày 20 tháng 10 năm 2010, cháu được sự đồng ý của bố mẹ đẻ đã được ông N V C và bà H T H ở xã H, huyện L, tỉnh T (nay là xã H, tỉnh T) nhận làm con nuôi và được Ủy ban nhân dân xã H ra quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 20/10/2010. Việc nhận nuôi con nuôi giữa ông C, bà H đối với cháu D là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Trong khi làm con nuôi ông C, bà H thì cháu D ở tại gia đình bố mẹ nuôi, khi đi học thì cháu ở với bố mẹ đẻ để tiện cho việc học của cháu và để gắn kết tình cảm giữa cháu với bố mẹ nuôi. Ngày 12/12/2019, cháu D đã cải chính hộ tịch đổi chữ đệm từ Nguyễn Đỗ Bảo D thành tên N B D. Hiện nay cháu D đã trưởng thành, lao động tự túc, nay bố mẹ nuôi của cháu là bà H T H và ông N V C yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi với cháu, thì cháu đồng ý và không có ý kiến gì. Trong quá trình chung sống giữa cháu D và bố mẹ nuôi không liên quan gì đến tài sản nên cháu không có đề nghị gì về quyền lợi. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ông N V C trình bày:* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2025: Ông C nhất trí với lời trình bày của vợ ông là bà H T H, ông đề nghị chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu N B D.

- *Chị Đỗ Thị Tuấn A trình bày:* Chị và AN V T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định dân sự sơ thẩm số 40/2012/DSST-HNGĐ ngày 18/9/2012 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh T (Nay là Toà án nhân dân khu vực 6-T). Chị và A Tiến có con chung là cháu Nguyễn Đỗ Bảo D, sinh ngày 02/10/2001. Vào ngày 20/10/2010 gia đình chị có cho cháu Nguyễn Đỗ Bảo D (nay là N B D) nhận ông N V C và bà H T H làm cha mẹ nuôi, lúc đó cháu D được 9 tuổi và được UBND xã H ra quyết định công nhận việc nuôi con nuôi số 01/QĐ-UBND ngày 20/10/2010. Việc nhận nuôi con nuôi đối với cháu D giữa gia đình bà và gia đình ông C, bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Trong quá trình được nhận làm con nuôi thì cháu D ở với gia đình bà A lúc đi học, thời gian còn lại cháu D ở tại gia đình bà H, ông C để cho gia đình gắn kết tình cảm. Lý do khi nhận con nuôi nhưng có thời gian ở như vậy vì để thuận lợi cho việc học tập của cháu D được tốt nhất. Ngày 12/12/2019 cháu D có cải chính hộ tịch từ tên Nguyễn Đỗ Bảo D thành N B D để thuận tiện trong học tập, hiện nay tên cháu là N B D.

Nay ông C, bà H muốn chấm dứt việc nuôi con nuôi vì cháu đã đủ khôn lớn, trưởng thành. Do vậy bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thể hiện:* Ngày 20/10/2010, Ủy ban nhân dân xã H, huyện L (Nay là xã H), tỉnh T, đã ra quyết định việc nuôi con nuôi cho ông N V C, bà H T H, ở xã H, huyện L, tỉnh T (Nay là xã H, tỉnh T). Theo đó ông

C, bà H nhận cháu N B D sinh ngày 02/10/2001 làm con nuôi. Sau khi hoàn tất thủ tục nuôi con nuôi thì cháu D về ở cùng ông C, bà H, những ngày trong tuần cháu D đi học thì ở với bố mẹ để cuối tuần về ở với ông C, bà H. Quá trình chung sống tại địa phương chúng tôi không biết giữa ông C, bà H và cháu D có mâu thuẫn gì không, chúng tôi không nắm được. Quá trình chung sống ở địa phương cháu D không vi phạm pháp luật. Nay bà H, ông C xin chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu D, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6, phát biểu quan điểm:

+ Về trình tự thủ tục từ khi thụ lý việc dân sự, về quan hệ pháp luật, quá trình thu thập chứng cứ, về thời hạn tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung việc yêu cầu: Đề nghị áp dụng Căn cứ vào khoản 5 Điều 29; Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 371, Điều 372 của [Bộ luật tố tụng dân sự](#); Điều 78 của [Luật hôn nhân và gia đình](#); khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của [Luật Nuôi con nuôi](#);

Căn cứ khoản 1 Điều 37; điểm đ khoản 1 Điều 12 [Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14](#) ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về lệ phí: Bà H là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn lệ phí sơ thẩm nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

* Ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C, bà H của bà Thẩm, bà Nhung:

- Về yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi: Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về lệ phí: Bà H là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn đề nghị Toà án miễn lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 6- T nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ trA chấp: bà H T H có đơn yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu N B D, sinh ngày 02/10/2001. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Bộ Luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ của việc dân sự là “ Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi”.

- Về thẩm quyền giải quyết của Toà án: Bà H T H, cư trú tại Khu Đ, xã H, tỉnh T. Cháu N B D hiện nay sinh sống cùng mẹ đẻ tại Khu A2, xã L, tỉnh T. Bà H T H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6- T giải quyết vụ việc. Do vậy, Căn cứ tại khoản 5 Điều 29; Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- T.

[2] Về nội dung: Ngày 20 tháng 10 năm 2010, bà H T H, ông N V C, nhận nuôi cháu N B D là con đẻ của chị Đỗ Thị Tuấn A và AN V T (đã ly hôn năm 2012) làm con nuôi. Các bên làm thủ tục nhận nuôi con nuôi tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp quyết định nhận nuôi con nuôi số 01 ngày 20/10/2010, nên việc nhận nuôi con

nuôi là hợp pháp, đúng quy định pháp luật. Sau khi nhận nuôi con nuôi thì cháu D ở với ông C, bà H tại xã H, trong thời gian cháu D đi học thì cháu ở với bố mẹ đẻ để thuận lợi cho việc học tập, hết thời gian học trong ngày thì cháu về ở với ông C, bà H tại xã H. Trong thời gian chung sống hai bên có thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nuôi đối với con nuôi và của con nuôi đối với cha mẹ nuôi, hai bên không có mâu thuẫn gì. Trong thời gian làm con nuôi cháu D cháu D không có tài sản riêng, không có công lao đóng góp gì vào khối tài sản chung của cha, mẹ nuôi. Nay cháu D đã trưởng thành lao động tự túc được và thực tế hiện nay cháu D đã về ở với bố mẹ đẻ. Để không có sự giằng buộc pháp luật đối với con nuôi, hơn nữa cháu D và mẹ đẻ của cháu D cũng đồng ý và tự nguyện muốn chấm dứt việc nuôi con nuôi nên bà H, ông C tự nguyện yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu D là phù hợp với quy định tại Điều 78 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 25 của Luật nuôi con nuôi. Do đó cần chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà H, ông C đối với cháu D.

[3] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H, ông C là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 5 Điều 29; Điều 35; điểm l khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 78 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27 của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ khoản 1 Điều 37; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của bà H T H và ông N V C.

Tuyên bố chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha mẹ nuôi là bà H T H. Hộ khẩu thường trú: khu Đ, xã H, tỉnh T đối với con nuôi là N B D, sinh ngày 02/10/2001. Hộ khẩu thường trú: Khu A2, xã L, tỉnh T.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha, mẹ nuôi là ông C, bà H và con nuôi cháu D chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt việc nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về lệ phí: Bà H T H được miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định, người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDKV 6- T;
- Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã H;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

